TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HSST
Ngày 17-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Kiên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đặng Song Hoàn**

Ông **Hồ Sỹ Tiến**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Khuất Cao Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Anh T** – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 377/ 2023/HSST ngày 08 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 386/2023/HSST-QĐXX ngày 27 tháng 12 năm 2023, đối với bị cáo:

Vũ Ngọc T1, sinh năm: 1992, tại TP . Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, chỗ ở: tổ F, phường T, Quận H, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động Tự do; trình độ văn hoá: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Bố: Vũ Ngọc C và mẹ: Phạm Thị H; vợ: Phạm Ngọc L và có 01 con sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 212/2011/HSPT ngày 26/12/2011, bị Tòa án nhân dân TP.Hà Nội, xử phạt 06 năm tù giam về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/4/2015 và đã chấp hành xong các phần khác của bản án; đang tại ngoại, hiện trú tại: tổ F, phường T, Quận H, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Thu Đ, sinh năm 1970. Địa chỉ: 7 đường X, phường T, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

2. Bà Phạm Thị Thu V, sinh năm 1967. Địa chỉ: 7 đường L, phường D, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

3. Chị Lê Thị T2, sinh năm 1983. Địa chỉ: C đường Đ, phường B, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

4. Bà Trần Kim P, sinh năm 1977. Địa chỉ: 1 đường N, phường G, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

5. Bà Lê Thị Thanh L1, sinh năm 1955. Địa chỉ: A H, Phường T, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

6. Bà Phạm Thị Kim L2, sinh năm 1959. Địa chỉ: 2 đường L, phường D, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

7. Bà Nguyễn Thị Mỹ L3, sinh năm 1959. Địa chỉ: A đường V, phường B, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

8. Chị Thạch Thị Kim T3, sinh năm 1991. Địa chỉ: E đường B, phường H, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

9. Chị Lê Thị Kim T4, sinh năm 1992. Địa chỉ: B đường T, phường H, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

10. Bà Nguyễn Thị L4, sinh năm 1963. Địa chỉ: A đường N, phường T, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

11. Chị Lê Thị Kim C1, sinh năm 2003. Địa chỉ: 7 T, phường A, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

12. Chị Đặng Hồng H1, sinh năm 1990. Địa chỉ: 1 đường C, phường A, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

13. Ông Nguyễn Chung T5, sinh năm 1967. Địa chỉ: A đường N, phường T, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

14. Anh Trần Trọng T6, sinh năm 1993. Địa chỉ: A đường C, phường A, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

15. Bà Đào Thị Kim A, sinh năm 1953. Địa chỉ: 1 đường P, phường G, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

16. Chị Quách Thị N, sinh năm 1986. Địa chỉ: G đường B, phường A, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

17. Bà Trần Thị Ngọc L5, sinh năm 1974. Địa chỉ: B đường L, phường D, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

18. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1975. Địa chỉ: G đường B, phường A, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

19. Chị Lê Thị T7, sinh năm 1991. Địa chỉ: E đường B, phường H, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

20. Anh Lê Huy Đ1, sinh năm 1993. Địa chỉ: tổ D, phường T, quận H, TP .. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2022, bị cáo Vũ Ngọc T1 không có việc làm ổn định nên đã một mình thực hiện hoạt động cho vay lãi nặng. Đến ngày 23/3/2023, bị cáo T1 thuê Lê Huy Đ1 phụ giúp trong hoạt động cho vay lãi nặng. Bị cáo T1 trả lương cho Đ1 8.000.000đồng/tháng, với nhiệm vụ đi rải tờ rơi, tìm khách có nhu cầu vay tiền, sau đó gửi thông tin người vay cho bị cáo T1. Đ1 trực tiếp đi thu tiền của những người vay mà Đ1 cho vay rồi mang tiền về nộp cho bị cáo T1. Còn bị cáo T1 tự đi thu tiền của những người vay mà bị cáo T1 tìm kiếm khách cho vay và không cho Đ1 biết. Hình thức cho vay là in tờ rơi có ghi nội dung "*cho vay tiêu dùng 0865168938",* sau đó đi phát ở những nơi công cộng và lập trang chạy quảng cáo trên mạng Facebook, lãi suất 0,833% đến 1%/ngày và thu phí dịch vụ từ 5% - 10% tổng số tiền vay. Việc bị cáo T1 và Đ1 cho khách vay tiền chỉ thỏa thuận bằng miệng, giao nhận tiền mặt, một số trường hợp bị cáo T1 và Đ1 giữ giấy tờ tùy thân của khách vay để làm tin, danh sách khách vay tiền được T1 và Đ1 lưu trong điện thoại.

Cách tính mức lãi suất, tiền lãi, thu lợi bất chính cụ thể như sau:

- Lãi suất mỗi ngày = Lãi suất thỏa thuận/chu kỳ vay (24 hoặc 25 ngày)

- Tiền lãi đã thu = Tiền lãi mỗi ngày x số ngày đã trả

- Tiền lãi theo quy định pháp luật = Mức lãi suất cao nhất theo quy định pháp luật (20%/năm) x số tiền vay x số ngày trả.

- Tiền lãi vượt quy định của pháp luật = Tiền lãi đã thu – Tiền lãi theo quy định pháp luật.

- T8 thu lợi bất chính = Tiền lãi vượt quy định của pháp luật + Tiền phí dịch vụ.

Ví dụ: Bị cáo T1 cho bà Trần Thi T9 Đào vay trả góp 01 lần với số tiền 5.000.000đồng/24 ngày, tiền phí dịch vụ 250.000đồng, mỗi ngày thu 250.000đồng, lãi suất 0,83%/ngày. Bà Đ đã trả được 12 ngày, tổng số tiền thu là 3.000.000đồng, trong đó tiền gốc đã thu là 2.500.000đồng, tiền lãi đã thu là 500.000 đồng. Như vậy, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 5.000.000đồng x 12ngày x 20%/365ngày = 32.877đồng; tiền lãi vượt quy định của pháp luật là 500.000đồng – 32.877đồng = 467.123đồng; tiền thu lợi bất chính là 467.123đồng + 250.000đồng = 717.123đồng.

Quá trình điều tra xác định và làm việc được với 21 người vay của bị cáo T1 và Đ1, trong đó có 19 người vay và đóng lãi, gốc cho bị cáo T1 và Đ1, còn 02 người liên hệ nhưng chưa vay. Cụ thể:

* Bị cáo Vũ Ngọc T1 cho vay:

1. Bà Trần Thị Thu Đ vay vào khoảng đầu tháng 3/2023, số tiền vay 5.000.000đồng, trả trong 24 ngày, mỗi ngày 250.000đồng, tiền phí 250.000đồng, lãi suất 0,833%/ngày. Đã trả được 12 ngày, tiền lãi đã thu là 500.000đồng, tiền lãi

suất theo quy định của pháp luật là 32.877đồng, tiền thu lợi bất chính là: 717.123đồng.

2. Bà Phạm Thị Thu V vay:

+ Lần 01 vào ngày 26/3/2023 là 3.000.000đồng/24 ngày, lãi suất 0.833%, đã trả hết, tiền lãi đã thu 600.000đồng, tiền phí 150.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 39.452đồng, tiền thu lợi bất chính là 710.548đồng.

+ Lần 02 ngày 11/4/2023 đáo hạn vay 3.000.000đồng/24 ngày, lãi suất 0,833%/ngày, trả được 02 ngày, tiền lãi đã thu 50.000 đồng, tiền phí 150.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 3.288đồng, tiền thu lợi bất chính là: 196.712đồng.

3. Chị Lê Thị T2 vay:

+ Lần 01 ngày 27/02/2023, số tiền là 4.000.000đồng/24ngày, lãi suất 0,833%/ngày, đã trả hết 24 ngày, tiền lãi đã thu 800.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 52.603đồng, tiền thu lợi bất chính là:747.397đồng.

+ Lần 02 ngày 13/3/2023, số tiền 4.000.000đồng/24ngày, lãi suất 0,833%/ngày, đã trả hết 24 ngày, tiền lãi đã thu 800.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 52.603đồng, tiền thu lợi bất chính là 747.397đồng;

+ Lần 03 ngày 03/4/2023, số tiền 5.000.000đồng/24ngày, lãi suất 0,833%/ngày, trả được 10 ngày, tiền lãi đã thu 416.667 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 27.397đồng, tiền thu lợi bất chính là 389.269đồng

4. Bà Trần Kim P vay:

+ Lần 01 vào tháng 11/2022, số tiền 3.000.000đồng/24ngày, lãi suất 0,833%/ngày, đã trả hết 24 ngày, tiền lãi đã thu 600.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 39.452 đồng, tiền thu lợi bất chính là 560.548đồng.

+ Lần 02 vào tháng 12/2022, số tiền 3.000.000đồng/24ngày, lãi suất 0,833%/ngày, đã trả hết 24 ngày, tiền lãi đã thu 600.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 39.452đồng, tiền thu lợi bất chính là 560.548đồng.

5. Bà Lê Thị Thanh L1 vay ngày 05/12/2022, số tiền 3.000.000đồng/24 ngày, lãi suất 0,833%/ngày, đã trả 12 ngày, tiền lãi đã thu: 300.000 đồng, tiền phí 150.000 đồng, số tiền lãi được phép theo quy định là 19.726đồng, tiền thu lợi bất chính là 430.274đồng.

6. Bà Phạm Thị Kim L2 vay:

+ Lần 01 ngày 09/3/2023, số tiền 3.000.000đồng/24ngày, lãi suất 0,833%/ngày, đã trả hết 24 ngày, tiền lãi đã thu 600.000đồng, tiền phí 150.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 39.452 đồng, tiền thu lợi bất chính là 710.548đồng;

+ Lần 02 ngày 23/3/2023, số tiền 3.000.000đồng/24ngày, lãi suất 0,833%/ngày, đã trả hết 24 ngày, tiền lãi đã thu 600.000 đồng, tiền phí

150.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 39.452đồng, tiền thu lợi bất chính là 710.548 đồng;

+ Lần 03 ngày 04/4/2023, số tiền 3.000.000đồng/24 ngày, lãi suất 0,833%/ngày, trả được 08 ngày, tiền lãi đã thu 200.000đồng, tiền phí 150.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 13.151 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 336.849 đồng

7. Bà Nguyễn Thị Mỹ L3 vay ngày 13/4/2023, số tiền 5.000.000đồng/24 ngày, lãi suất 0,833%/ngày, đã trả được 01 ngày, tiền lãi đã thu 41.667 đồng, tiền phí 200.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 2.740 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 238.927đồng.

8. Chị Thạch Thị Kim T3 vay ngày 31/3/2023, số tiền 3.000.000đồng/24 ngày, lãi suất 0,833%, trả được 14 ngày, tiền lãi đã thu 350.000đồng, tiền phí 150.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 23.014đồng, số tiền thu lợi bất chính là 476.986đồng

* Bị cáo Vũ Ngọc T1 cho vay có lần có sự tham gia của Lê Huy Đ1:

9. Chị Lê Thị Kim T4 vay:

+ Lần 01 ngày 03/10/2022, số tiền 3.000.000đồng/24ngày, lãi suất 0,833%, đã trả hết 24 ngày, tiền lãi đã thu 600.000đồng, tiền phí 150.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 39.452đồng, số tiền thu lợi bất chính là 710.548đồng.

+ Lần 02 ngày 19/10/2022, số tiền 3.000.000đồng/24ngày, lãi suất 0,833%, đã trả hết 24 ngày, tiền lãi đã thu 600.000đồng, tiền phí 150.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 39.452đồng, số tiền thu lợi bất chính là 710.548đồng.

+ Lần 03 ngày 25/10/2022, số tiền 3.000.000đồng/24ngày, lãi suất 0,833%, đã trả hết 24 ngày, tiền lãi đã thu 600.000đồng, tiền phí 150.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 39.452đồng, số tiền thu lợi bất chính là 710.548đồng;

+ Lần 04 ngày 05/11/2022, số tiền 3.000.000đồng/24ngày, lãi suất 0,833%, đã trả hết 24 ngày, tiền lãi đã thu 600.000 đồng, tiền phí 150.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 39.452đồng, số tiền thu lợi bất chính là 710.548đồng.

+ Lần 05 ngày 27/11/2022, số tiền 3.000.000đồng/24ngày, lãi suất 0,833%, đã trả hết 24 ngày, tiền lãi đã thu 600.000 đồng, tiền phí 150.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 39.452đồng, số tiền thu lợi bất chính là 710.548đồng.

+ Lần 06 ngày 05/01/2023, số tiền 3.000.000đồng/24ngày, lãi suất 0,833%, đã trả hết 24 ngày, tiền lãi đã thu 600.000 đồng, tiền phí 150.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 39.452đồng, số tiền thu lợi bất chính là 710.548đồng.

+ Lần 07 ngày 19/02/2023, số tiền 4.000.000đồng/24ngày, lãi suất 0,833%, đã trả hết 24 ngày, tiền lãi đã thu 800.000đồng, tiền phí 200.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 52.603 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 947.397đồng.

+ Lần 08 ngày 01/3/2023, số tiền 4.000.000đồng/24ngày, lãi suất 0,833%, đã trả hết 24 ngày, tiền lãi đã thu 800.000đồng, tiền phí 200.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 52.603 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 947.397đồng.

+ Lần 09 ngày 28/3/2023, số tiền 4.000.000đồng/24ngày, lãi suất 0,833%, đã trả hết 24 ngày, tiền lãi đã thu 800.000đồng, tiền phí 200.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 52.603 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 947.397đồng.

+ Lần 10 ngày 22/3/2023, số tiền 3.000.000đồng/24ngày, lãi suất 0,833%, đã trả hết 24 ngày, tiền lãi đã thu 600.000 đồng, tiền phí 150.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 39.452đồng, số tiền thu lợi bất chính là 710.548đồng (có sự tham gia của Đ1);

+ Lần 11 ngày 06/4/2023, số tiền 4.000.000đồng/24ngày, lãi suất 0,833%, đã trả được 11 ngày, tiền lãi đã thu 366,667đồng, tiền phí 200.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 24.110đồng, số tiền thu lợi bất chính là 542.557đồng (có sự tham gia của Đ1);

10. Bà Nguyễn Thị L4 vay:

+ Lần 01 ngày 30/3/2023, số tiền 3.000.000đồng/24ngày, lãi suất 0,833%, trả được 14 ngày; tiền lãi đã thu 350.000đồng, tiền phí 150.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 23.014đồng, số tiền thu lợi bất chính là 476.986đồng,

+ Lần 02 ngày 28/3/2023, số tiền 3.000.000đồng/24ngày, lãi suất 0,833%, trả hết 24 ngày; tiền lãi đã thu 600.000đồng, tiền phí 150.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 39.452đồng, số tiền thu lợi bất chính là 710.548đồng. (có sự tham gia của Đ1)

+ Lần 03 ngày 11/4/2023, số tiền 3.000.000đồng/24ngày, lãi suất 0,833%, đã trả 04 ngày, tiền lãi đã thu 100.000đồng, tiền phí 150.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 6.575đồng, số tiền thu lợi bất chính là 243.425đồng. (có sự tham gia của Đ1)

11. Chị Lê Thị Kim C1 vay:

+ Lần 01 ngày 23/3/2023, số tiền 3.000.000đồng/24 ngày, lãi suất 0,833, đã trả hết 24 ngày, tiền lãi đã thu 600.000đồng, tiền phí 150.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 39.452 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 710.548đồng. (có sự tham gia của Đ1)

+ Lần 02 ngày 01/4/2023, số tiền 3.000.000đồng/24ngày; lãi suất 0,833%, trả được 11 ngày, tiền lãi đã thu 275.000đồng, tiền phí 150.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 18.082đồng, số tiền thu lợi bất chính là 406.918đồng. (có sự tham gia của Đ1)

+ Lần 03 ngày 04/02/2023, số tiền 3.000.000đồng/24ngày; lãi suất 0,833%, trả hết 24 ngày, tiền lãi đã thu 600.000đồng, tiền phí 150.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 39.452đồng, số tiền thu lợi bất chính là 710.548đồng;

+ Lần 04 ngày 17/02/2023, số tiền 3.000.000đồng/24ngày; lãi suất 0,833%, trả được 24 ngày, tiền lãi đã thu 600.000đồng, tiền phí 150.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 39.452đồng, số tiền thu lợi bất chính là 710.548đồng.

+ Lần 05 ngày 02/3/2023, số tiền 3.000.000đồng/24ngày; lãi suất 0,833%, trả được 24 ngày, tiền lãi đã thu 600.000đồng, tiền phí 150.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 39.452đồng, số tiền thu lợi bất chính là 710.548đồng.

+ Lần 06 ngày 15/3/2023, số tiền 3.000.000đồng/24ngày; lãi suất 0,833%, trả được 24 ngày, tiền lãi đã thu 600.000đồng, tiền phí 150.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 39.452đồng, số tiền thu lợi bất chính là 710.548đồng.

+ Lần 07 ngày 23/3/2023, số tiền 3.000.000đồng/24ngày; lãi suất 0,833%, trả được 24 ngày, tiền lãi đã thu 600.000đồng, tiền phí 150.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 39.452đồng, số tiền thu lợi bất chính là 710.548đồng.

+ Lần 08 ngày 01/4/2023, số tiền 3.000.000đồng/24ngày; lãi suất 0,833%, đã trả 11 ngày, tiền lãi đã thu 275.000đồng, tiền phí 150.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 18.082đồng, số tiền thu lợi bất chính là 406.918đồng.

12. Chị Đặng Hồng H1 vay ngày 04/5/2023, số tiền 6.000.000đồng/25ngày, lãi suất 01%, trả được 10 ngày, tiền lãi đã thu 600.000đồng, tiền phí 500.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 32.877đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.067.123đồng. (có sự tham gia của Đ1)

13. Ông Nguyễn Chung T5 vay ngày 11/4/2023, số tiền 2.000.000đồng/25 ngày, lãi suất 01%, trả được 05 ngày; tiền lãi đã thu 100.000đồng, tiền phí 200.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 5.479đồng, số tiền thu lợi bất chính là 294.521đồng. (có sự tham gia của Đ1)

14. Anh Trần Trọng T6 vay:

+ Lần 01 ngày 27/3/2023, số tiền 15.000.000đồng/25 ngày, lãi suất 01%, đã trả hết 25 ngày, tiền lãi đã thu 3.750.000đồng, tiền phí 1.500.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 205.479đồng, số tiền thu lợi bất chính là 5.044.521đồng. (có sự tham gia của Đ1)

+ Lần 02 ngày 04/4/2023, số tiền 15.000.000đồng/25ngày, lãi suất 01%, đã trả được 05 ngày, tiền lãi đã thu 750.000đồng, tiền phí 750.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 41.096đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.458.904đồng. (có sự tham gia của Đ1)

15. Bà Đào Thị Kim A vay ngày 07/4/2023, số tiền 2.000.000đồng/24 ngày, lãi suất 0,833%, trả được 08 ngày; tiền lãi đã thu 133.333đồng, tiền phí 100.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 8.767đồng, số tiền thu lợi bất chính là 224.566đồng. (có sự tham gia của Đ1)

16. Chị Quách Thị N vay ngày 08/4/2023, số tiền 3.000.000đồng/25 ngày, lãi suất 01%, trả được 05 ngày; tiền lãi đã thu 150.000đồng, tiền phí 300.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 8.129đồng, số tiền thu lợi bất chính là 441.781 đồng. (có sự tham gia của Đ1)

17. Bà Trần Thị Ngọc L5 vay:

+ Lần 01 ngày 25/3/2023, số tiền 6.000.000đồng/24ngày, lãi suất 0,833%, đã trả hết 24 ngày, tiền lãi đã thu 1.200.000đồng, tiền phí 300.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 78.904đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.421.096đồng. (có sự tham gia của Đ1)

+ Lần 02 ngày 11/4/2023, số tiền 6.000.000đồng/24ngày, lãi suất 0,833%, đã trả được 03 ngày, tiền lãi đã thu 150.000đồng, tiền phí 300.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 9.863 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 440.137đồng. (có sự tham gia của Đ1)

18. Bà Nguyễn Thị X vay ngày 29/3/2023, số tiền 2.000.000đồng/25 ngày, lãi suất 01%, trả được 15 ngày; tiền lãi đã thu 300.000đồng, tiền phí 200.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 16.438đồng, số tiền thu lợi bất chính là 483.562đồng. (có sự tham gia của Đ1)

19. Chị Lê Thị T7 vay ngày 10/4/2023, số tiền 2.000.000đồng/25ngày, lãi suất 01%, đã trả hết 25 ngày, tiền lãi đã thu 500.000đồng, tiền phí 200.000đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 27.397đồng, số tiền thu lợi bất chính là 672.603đồng. (có sự tham gia của Đ1)

Như vậy, bị cáo Vũ Ngọc T1 đã thực hiện cho 19 cá nhân vay với, tổng số tiền: 179.000.000 đồng; thu phí dịch vụ là 9.350.000đồng; tổng số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 1.641.644đồng, tổng số tiền lãi vượt quy định của pháp luật là 24.350.023đồng; tổng số tiền thu lợi bất chính là 24.350.023đồng + 9.350.000đồng = 33.700.023đồng. Lê Huy Đ1 tham gia với bị cáo T1 thực hiện cho 11 người vay, với tổng số tiền thu lợi bất chính là: 14.873.356đồng (gồm lãi thu lợi bất chính và tiền phí).

Ngoài ra, T1 còn khai nhận cho khoảng 18 người khác vay tiền với tổng số tiền khoảng 60.000.000đồng, thu lợi bất chính khoảng 6.020.205đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác định địa điểm đồng thời xác minh tại địa phương nhưng không có thông tin. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra thông báo truy tìm.

** Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:*

T9 trong quá trình khám xét: 01 Căn cước công dân số 077093008318 mang tên Trần Trọng T6; 01 Căn cước công dân số 077167001176 mang tên Nguyễn Chung T5; 01 Căn cước công dân số 077301001497 mang tên Nguyễn Hồng N1 Thuỳ Trang; 01 Căn cước công dân số 077190002231 mang tên Đặng Hồng H1. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý trả 04 (bốn) Căn cước công dân trên cho anh Trần Trọng T6, anh Nguyễn Chung T5, chị Nguyễn Hồng Ngọc Thùy T10 và chị Đặng Hồng H1.

T9 trong quá trình khám xét: 200 (hai trăm) tờ rơi, in nội dung *"cho vay tiêu dùng 0865168938"* trên khổ giấy A5; Thu của bị cáo Vũ Ngọc T1 01 điện thoại hiệu Iphone XS Max, màu Vàng, số Imel: 357267099604211, sử dụng để hoạt động cho vay; T9 của Lê Huy Đ1 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 8 Plus, màu H2,

số Imel: 358630094273036, sử dụng để hoạt động cho vay. Hiện chuyển Cơ quan thi hành án dân sự thành phố V quản lý chờ xử lý.

* Về trách nhiệm dân sự: Những người vay tiền mà cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc, họ đã tự thoả thuận trả hết số tiền gốc còn thiếu cho bị cáo Vũ Ngọc T1 và Tạ Huy Đ2 và những người này cũng không có yêu cầu nhận lại số tiền mà bị cáo T1 và Đ2 đã thu lợi bất chính từ họ.

Bản cáo trạng số 341/CT-VKSVT ngày 14-11-2023, Viện Kiểm sát nhân dân Tp.Vũng Tàu đã truy tố bị cáo Vũ Ngọc T1 về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Đối với Lê Huy Đ1 tham gia sau giúp cho T1 trong hoạt động cho vay, tuy nhiên tổng số tiền thu lợi bất chính từ khi Đ1 tham gia hoạt động cho vay là 14.873.356 đồng, chưa đủ định lượng để xử lý hình sự, bản thân Đ1 chưa có tiền án tiền sự. Hành vi của Đ1 đã bị Ủy ban nhân dân T11 ra Quyết định xử phạt hành chính.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Vũ Ngọc T1 đã khai nhận về toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên. Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, tỏ ra ăn năn, hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo Vũ Ngọc T1 về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Ngọc T1 từ 50.000.000đồng đến 60.000.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu nên không xem xét. Buộc bị cáo Vũ Ngọc T1 phải nộp lại số tiền gốc cho vay là 179.000.000đồng, thu phí dịch vụ là 9.350.000đồng và tổng số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 1.641.644đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 200 (hai trăm) tờ rơi; tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 02 điện thoại di động đã thu giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: Xét thấy, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, hồ sơ vụ án đã có đầy đủ

lời khai của những người này, sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến quá trình xét xử và nội dung vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Ngọc T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2022 đến tháng 4 năm 2023, bị cáo Vũ Ngọc T1 đã cho 19 người vay tiền, với mức lãi suất từ 0,83% đến 01%/ngày (tương đương 300% đến 365%/năm) cao gấp 15 đến 18 lần lãi suất cao nhất mà Bộ luật dân sự quy định (20%/năm) và thu tiền phí mỗi lần vay là khoảng 5%/khoản tiền vay. Tổng số tiền gốc mà bị cáo Vũ Ngọc T1 đã cho các cá nhân vay là 179.000.000đồng, thu phí dịch vụ là 9.350.000đồng, tổng số tiền lãi theo quy định của pháp luật là 1.641.644đồng, tổng số tiền lãi vượt quy định của pháp luật là 24.350.023đồng. Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính là 24.350.023đồng + 9.350.000đồng = 33.700.023đồng (Ba mươi ba triệu, bảy trăm nghìn, không trăm hai mươi ba đồng).

Hành vi cho vay với mức lãi suất cao gấp từ 15 đến 18 lần mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật dân sự năm 2015 quy định và thu lợi bất chính số tiền 33.700.023đồng mà bị cáo Vũ Ngọc T1 đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của bị cáo: Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội; đã xâm phạm đến lĩnh vực hoạt động tín dụng, Ngân hàng do Nhà nước trực tiếp quản lý; gây mất an ninh, trật tự tại địa phương và xã hội; bị cáo có nhân thân xấu nên cần phải xử lý nghiêm, áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung về tội phạm xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Áp dụng hình phạt tiền quy định tại Điều 35 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bị cáo không có yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về các biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo Vũ Ngọc T1 phải nộp lại số tiền gốc đã cho vay là 179.000.000đồng và số tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất theo quy định của Pháp luật mà bị cáo đã nhận là 1.641.644đồng để sung vào ngân sách Nhà nước vì đây là công cụ phạm tội và do hành vi phạm tội mà có.

[8] Về xử lý vật chứng vụ án:

- Tịch thu tiêu hủy: 200 (hai trăm) tờ rơi, in nội dung *"cho vay tiêu dùng 0865168938"* trên khổ giấy A5 vì có liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của bị cáo, nhưng không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại hiệu Iphone XS Max, màu Vàng và 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 8 Plus, màu H2 đã thu giữ vì có liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của bị cáo.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Ngọc T1 phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Ngọc T1 số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên không xem xét.

3. Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo Vũ Ngọc T1 phải nộp lại số tiền 180.641.644đ (Một trăm tám mươi triệu sáu trăm bốn mươi mốt ngàn sáu trăm bốn mươi bốn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 200 (hai trăm) tờ rơi, in nội dung "cho vay tiêu dùng 0865168938" trên khổ giấy A5;

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại hiệu Iphone XS Max, màu Vàng, số I: 357267099604211 và 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 8 Plus, màu H2, số Imel: 358630094273036

Toàn bộ vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu đang quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 58/BB-CCTHADS ngày 29/11/2023.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Vũ Ngọc T1 phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng)

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND Tp.Vũng Tàu;
- Công An Tp.Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp.Vũng Tàu;
- Bị cáo, người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Kiên